

Số/No.: 378 /2021/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2021
Hanoi, day 12 month 07 year 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUEMAV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 09/07/2021
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT Order	Mã chứng khoán Securities symbol	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weighting
I.	Chứng khoán/ Stock		
1	BID	200	0.5%
2	BVH	100	0.3%
3	CTG	1,300	2.8%
4	FPT	1,000	5.0%
5	GAS	100	0.5%
6	HDB	1,600	3.2%
7	HPG	3,500	9.6%
8	KDH	500	1.0%
9	MBB	2,400	5.6%
10	MSN	600	4.0%
11	MWG	500	4.8%
12	NVL	800	5.0%
13	PDR	300	1.6%
14	PLX	200	0.6%
15	PNJ	200	1.2%
16	POW	600	0.4%
17	REE	200	0.6%
18	SBT	300	0.3%
19	SSI	500	1.5%
20	STB	2,400	4.1%
21	TCB	3,200	10.1%
22	TCH	300	0.4%
23	TPB	900	1.9%
24	VCB	500	3.1%
25	VHM	700	4.5%
26	VIC	800	5.0%
27	VJC	400	2.7%
28	VNM	1,500	7.4%
29	VPB	2,300	8.9%
30	VRE	700	1.2%
II.	Tiền / Cash (VND)	39,854,862	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and one lot of ETF in value:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ Basket value: 1,749,255,000 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF: 1,789,109,862 VND
 - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ Spread in value: 39,854,862 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ Plan to reduce the spread:
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	BID	45,800	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Circular 121/2020/TTBTC
2	BVH	54,900	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Circular 121/2020/TTBTC
3	FPT	89,800	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	MWG	172,500	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	PNJ	105,600	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	REE	53,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	TCB	56,600	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TPB	37,750	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VPB	69,300	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)

State if component securities shall have corporate action:

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ Other informations:

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 09/07/2021	Kỳ trước/Last period (**) 08/07/2021	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	5	(5)
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	35,500,000	35,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ Closing price	17,810	18,300	(490)
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
- của quỹ ETF/ of the Fund	626,188,451,821	633,421,816,193	(7,233,364,372)
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,789,109,862	1,809,776,618	(20,666,756)
- của 1 CCQ/ per share	17,891.10	18,097.77	(206.67)
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,494.43	1,521.21	(26.78)

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 08/07/2021

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 07/07/2021

Chủ tịch công ty kiểm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative



Huh Hong Suk